KET PRACTICE 7

Viết từ vựng

		
		
		

LIVEWORKSHEETS

	

1. Truyền thống=_____
2. Văn hoá=_____
3. Tràn đầy năng lượng=_____
4. Sáng tạo=_____
5. Bình yên=_____
6. Bắt tai=_____
7. Ấn tượng=_____
8. Tuyệt vời=_____
9. Mạnh mẽ=_____
10. Nhẹ nhàng=_____
11. Đáng nhớ=_____
12. Phổ biến=_____
13. Hiện đại=_____

LIVEWORKSHEETS

14.Giàu ý nghĩa=_____
15.Vô nghĩa=_____
16.Gây khó chịu= khó nghe=_____
17.Kinh khủng=_____
18.Gây thất vọng=_____
19.Khó hiểu, rối ren=_____
20.Ca sĩ=_____
21.Vũ công=_____
22.Nhạc sĩ=_____
23.Nhóm nhạc nữ=_____
24.Nhóm nhạc nam=_____
25.Nhạc sĩ, vũ công=_____
26.Thành công=_____
27.Nổi tiếng=_____
28.Huyền thoại=_____
29.Tài năng=_____
30.Lễ hội âm nhạc=_____
31.Buổi biểu diễn=_____
32.Người
33.Người điều chỉnh âm nhạc=_____
34.Buổi hoà nhạc trực tiếp=_____

LIVEWORKSHEETS

35. Giai điệu=_____

→ giai điệu bắt tai=_____

36.Nhịp điệu, tiết tấu=_____

----------THE END----------

LIVEWORKSHEETS